TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 24/03/2025**

| | Tuần 1 | | | Tuần 2 | | Tuần 3 | | | Tuần 4 | | | Tuần 5 | | | | Tuần 6 | | Tuần 7 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 24/03 2025 | 26/03 2025 | 28/03 2025 | 31/03 2025 | 02/04 2025 | 07/04 2025 | 09/04 2025 | 11/04 2025 | 14/04 2025 | 16/04 2025 | 18/04 2025 | 21/04 2025 | 23/04 2025 | 25/04 2025 | | 05/05 2025 | 07/05 2025 | 12/05 2025 | 14/05 2025 | 16/05 2025 | 19/05 2025 | 21/05 2025 |
| 25-KNM-23 Phòng D1-02 (18h30-20h45) | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Nghỉ lễ 30/04 - 01/05 | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

**Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 1 | 214124 | Nguyễn Thị Huỳnh | Anh | 12/12/2003 | Vĩnh Long | DH21KTO03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 223519 | Phan Nguyễn Phương | Bằng | 15/11/2003 | Cà Mau | DH22OTO06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 2110289 | Huỳnh Thanh | Đạm | 20/11/2003 | Hậu Giang | DH21QTD03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 211463 | Nguyễn Hoàng Sỹ | Đang | 19/12/2003 | An Giang | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 211962 | Đỗ Tiến | Đạt | 16/09/2003 | Sóc Trăng | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | 211935 | Huỳnh Trí | Đạt | 23/01/2003 | Cà Mau | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | 213209 | Nguyễn Minh | Điền | 27/11/2003 | Sóc Trăng | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | 210100 | Nguyễn Quốc | Duy | 06/05/2003 | Bến Tre | DH21KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | 212084 | Huỳnh Lê Mỹ | Duyên | 26/08/2003 | Đồng Tháp | DH21QTK06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | 214281 | Huỳnh Thanh | Hải | 02/08/2003 | An Giang | DH21KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 2110582 | Lữ Nhật | Hào | 03/05/2003 | An Giang | DH21KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 213470 | Trần Huy | Hoàng | 20/05/2003 | Hậu Giang | DH21TIN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 210459 | Đặng Thanh | Huy | 21/08/2002 | Vĩnh Long | DH21QTK02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 213582 | Bùi Nhựt | Khang | 19/12/2002 | | DH21TIN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 214313 | Nguyễn Duy | Khang | 21/04/2003 | | DH21KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 2110364 | Nguyễn Vĩ | Khang | 27/02/2003 | An Giang | DH21KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 214373 | Trương Nhật | Khang | 22/10/2003 | Cà Mau | DH21HAY01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 213425 | Trần Quốc | Khánh | 24/02/2003 | Cà Mau | DH21OTO08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 211846 | Hoa Trung | Kiên | 01/12/2001 | Cà Mau | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 2110763 | Trần Nhựt | Linh | 24/02/2003 | | DH21QTD02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 24/03/2025**

| | Tuần 1 | | | Tuần 2 | | Tuần 3 | | | Tuần 4 | | | Tuần 5 | | | | Tuần 6 | | Tuần 7 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 24/03 2025 | 26/03 2025 | 28/03 2025 | 31/03 2025 | 02/04 2025 | 07/04 2025 | 09/04 2025 | 11/04 2025 | 14/04 2025 | 16/04 2025 | 18/04 2025 | 21/04 2025 | 23/04 2025 | 25/04 2025 | Nghỉ lễ 30/04 - 01/05 | 05/05 2025 | 07/05 2025 | 12/05 2025 | 14/05 2025 | 16/05 2025 | 19/05 2025 | 21/05 2025 |
| 25-KNM-23 Phòng D1-02 (18h30-20h45) | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

***** Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 21 | 214238 | Nguyễn Vũ | Luân | 07/07/2003 | An Giang | DH21KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 212185 | Lê Minh | Mẫn | 23/09/2003 | Cần Thơ | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | 211796 | Lý Hạo | Nam | 09/12/2003 | Cần Thơ | DH21TIN03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | 2110783 | Phạm Thành | Nam | 16/05/2003 | Cần Thơ | DH21KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | 212885 | Trần Thị Kim | Ngân | 13/09/2003 | Đồng Tháp | DH21KQT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | 213870 | Lưu Trung | Nghị | 14/05/2003 | Kiên Giang | DH21KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | 2110313 | La Trọng | Nghĩa | 21/12/2003 | Tp.Hcm | DH21KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | 214383 | Nguyễn Trọng | Nghĩa | 17/06/2003 | An Giang | DH21KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | 219318 | Vương Tú | Nguyệt | 15/02/2000 | | DH21HAY01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | 214321 | Lê Thị Thảo | Nhi | 18/08/2003 | Vĩnh Long | DH21QTD03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | 219609 | Nguyễn Huỳnh Tuyết | Nhi | 14/07/2003 | Hậu Giang | DH21NNA05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | 2110583 | Nguyễn Thị Thúy | Oanh | 12/05/2003 | An Giang | DH21KTO01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | 212920 | Lê Minh | Pha | 10/12/2003 | Bạc Liêu | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | 212223 | Nguyễn Trọng | Phúc | 28/08/2003 | Đồng Tháp | DH21TIN04 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | 212998 | Trần Ngọc Giang | Quỳnh | 08/02/2003 | Cần Thơ | DH21HAY01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | 219795 | Nguyễn Ngọc | Thắm | 04/10/2003 | Cần Thơ | DH21NNA05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | 213502 | Trần Cao | Thắng | 08/10/2003 | Đồng Tháp | DH21TIN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | 210608 | Lê Kim | Thanh | 16/03/2003 | Sóc Trăng | DH21QTK02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | 212918 | Lê Minh | Thi | 12/10/2003 | Bạc Liêu | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | 212558 | Hoàng Hữu | Thiện | 09/12/2003 | Cần Thơ | DH21QTK07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 24/03/2025**

| | Tuần 1 | | | Tuần 2 | | Tuần 3 | | | Tuần 4 | | | Tuần 5 | | | | Tuần 6 | | Tuần 7 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 24/03 2025 | 26/03 2025 | 28/03 2025 | 31/03 2025 | 02/04 2025 | 07/04 2025 | 09/04 2025 | 11/04 2025 | 14/04 2025 | 16/04 2025 | 18/04 2025 | 21/04 2025 | 23/04 2025 | 25/04 2025 | | 05/05 2025 | 07/05 2025 | 12/05 2025 | 14/05 2025 | 16/05 2025 | 19/05 2025 | 21/05 2025 |
| 25-KNM-23 Phòng D1-02 (18h30-20h45) | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Thầy Minh Giáp | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Nghỉ lễ 30/04 - 01/05 | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

**Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 41 | 211098 | Võ Trường | Thịnh | 01/03/2003 | Hậu Giang | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | 2110686 | Nguyễn Thị Minh | Thư | 24/03/2003 | | DH21QTD03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | 212982 | Lê Thị Mỹ | Tiên | 16/10/2003 | Cần Thơ | DH21QTN01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | 2110037 | Nguyễn Thị Kiều | Tiên | 15/11/2003 | Trà Vinh | DH21KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | 219982 | Huỳnh Văn | Tiền | 17/03/2003 | Cần Thơ | DH21CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 219648 | Lê Phan Ngọc | Trâm | 23/09/2003 | Cà Mau | DH21KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | 213895 | Hồ Thiên | Tỷ | 12/07/2003 | | DH21KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 2110066 | Bùi Quốc | Vinh | 29/01/2003 | An Giang | DH21HAY01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | 2110740 | Huỳnh Như | Ý | 27/03/2003 | Bạc Liêu | DH21QTD02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |